

Số: **1006**/BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03** tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành năm 2021 và Chương trình công tác năm 2022

Thực hiện Phiếu chuyển số 163/KHTC ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Phòng Kế hoạch Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác năm 2021 và kế hoạch triển khai thực hiện năm 2022.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo kết quả thực hiện công tác chỉ đạo điều hành năm 2021 và chương trình công tác năm 2022 với các nội dung như sau:

PHẦN 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2021

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Đối với chương trình công tác của đơn vị

Trong năm 2021, Chi cục đã tiến hành xây dựng 69 kế hoạch triển khai thực hiện công tác tại đơn vị.

2. Tham mưu Sở thực hiện các văn bản của Trung ương và UBNDTP:

Trong năm 2021, Chi cục đã tham mưu Sở thực hiện một số văn bản như sau:

- Công văn số 310/SNN-TTBVT ngày 23 tháng 2 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề xuất tiếp tục triển khai Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao và có tiềm năng xuất khẩu.

- Công văn số 1010/SNN-TTBVT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xin ý kiến góp ý 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT (lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật).

- Công văn số 1195/SNN-TTBVT ngày 19 tháng 6 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại ở Việt Nam đến năm 2020.

- Công văn số 1740/SNN-CCTTBVTV ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về một số giải pháp chỉ đạo sản xuất và phòng trừ sinh vật hại cây trồng vụ Hè Thu - Mùa năm 2021 trong tình hình dịch bệnh COVID-19.

- Tờ trình số 2090/TTr-SNN ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tờ trình số 2108/TTr-SNN ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành trồng trọt giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045: Chi cục đã tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch chiến lược trồng trọt theo góp ý của các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chuyên môn

a) Công tác trồng trọt

- Tiến độ sản xuất cây trồng:

+ Cây rau: Diện tích gieo trồng rau năm 2021 ước đạt 21.150 ha, tăng 0,7% so với năm 2020, năng suất bình quân ước đạt khoảng 27,1 tấn/ha, sản lượng ước đạt 573.165 tấn giảm 5,6% so với cùng kỳ.

+ Hoa lan, cây kiểng: Diện tích hoa, cây kiểng tính từ đầu năm đến nay là 2.129 ha, giảm 15,1% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích hoa mai: 764 ha (diện tích mai Bình Lợi: 550 ha), diện tích hoa lan: 370 ha, diện tích gieo trồng hoa nèn: 405 ha và diện tích kiểng - bonsai: 590 ha.

+ Cây lúa: diện tích lúa vụ Đông Xuân 2020 - 2021 là 4.886 ha, giảm 1,3% so với cùng kỳ. Diện tích lúa vụ Hè Thu là 5.319,4 ha, giảm 5% so với cùng kỳ. Diện tích lúa vụ Mùa là 5.518,6 ha, giảm 9,6% so với cùng kỳ. Tổng diện tích canh tác lúa năm 2021 là 6.997,6 ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ. Tổng diện tích lúa gieo trồng năm 2021 là 15.724 ha, giảm 5,5% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 5,07 tấn/ha, tổng sản lượng ước đạt 79.684 tấn.

- Công tác điều tra cập nhật bản đồ số hóa vùng rau: 30 phiếu.

- Công tác điều tra cập nhật bản đồ số hóa hoa kiểng: 120 phiếu.

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) trong quá trình sản xuất rau tại vùng sản xuất: trong năm 2021, đã lấy 175 mẫu rau gửi kiểm tra các chỉ tiêu về ATTP, kết quả có 165 mẫu không có mẫu phát hiện dư lượng thuốc BVTV vượt mức giới hạn tối đa cho phép, 10 mẫu chưa có kết quả phân tích.

- Công bố hợp quy phân bón: đã công bố hợp quy 896 sản phẩm của 70 công ty.

- Công bố hợp quy giống cây trồng: đã công bố hợp quy 20 sản phẩm của 05 công ty.

- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất nông sản: đã cấp giấy chứng nhận cho 09 công ty.

Chi tiết ước số liệu sản xuất trồng trọt năm 2021 (đính kèm phụ lục I).

b) Công tác bảo vệ thực vật (BVTV)

- Tình hình sinh vật hại (SVH)

+ Trên rau: Tổng diện tích nhiễm SVH trong năm 2021 là 6.351,1 ha, giảm 17,5% so với cùng kỳ. Diện tích nhiễm SVH đã phòng trị là 12.043,2 lượt ha chiếm 189,6% diện tích nhiễm SVH.

+ Trên hoa lan, cây kiêng: Tổng diện tích nhiễm SVH trong năm 2021 là 521 ha, giảm 15,8% so với cùng kỳ. Diện tích nhiễm SVH đã phòng trị là 375,1 lượt ha chiếm 71,9% diện tích nhiễm SVH.

+ Trên lúa: Tổng diện tích nhiễm SVH trong năm 2021 là 6.532,3 ha, tăng 0,8% so với cùng kỳ.

- Về phòng trừ sâu ăn lá (*Antheraea Frithi Moore*) hại cây lâm nghiệp tại Sư đoàn 9 - Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4: Chỉ cục đã ban hành Phương án triển khai thực hiện phòng trừ sâu ăn lá (*Antheraea Frithi Moore*) hại cây lâm nghiệp tại Sư đoàn 9. Tháng 11/2021, Chỉ cục đã hoàn thành việc mua thuốc BVTV và ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ phun thuốc BVTV bằng máy bay không người lái. Tuy nhiên, do tình hình thời tiết năm nay bất lợi nên hiện tại sâu ăn lá đã chuyển sang giai đoạn ngủ đông. Dự kiến sang đầu năm sau (khoảng tháng 3 - 5 năm 2022) khi sâu xuất hiện trở lại sẽ tiến hành phun thuốc BVTV.

- Thực hiện kiểm tra sử dụng thuốc BVTV: đến nay đã kiểm tra 189 hộ nông dân (67 hộ trồng rau muống nước, 122 hộ trồng các loại rau khác), kết quả không có hộ vi phạm về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, ước cả năm 2021 sẽ thực hiện kiểm tra sử dụng thuốc BVTV 270 hộ nông dân.

- Thực hiện điều tra tình hình sinh vật gây hại cây trồng: đã điều tra 4.560 phiếu, ước cả năm 2021 sẽ thực hiện điều tra 5.010 phiếu.

- Thực hiện điều tra bộ thuốc nông dân sử dụng: 150 phiếu, ước cả năm 2021 sẽ thực hiện điều tra 375 phiếu.

- Thực hiện điều tra đánh giá ảnh hưởng công tác bảo vệ thực vật trên cây hoa lan năm 2021: 53 phiếu.

- Theo dõi tình hình sinh vật hại vào hệ thống bẫy đèn phục vụ công tác dự tính, dự báo trên cây lúa và cây lâm nghiệp năm 2021: 12 bẫy.

- Công bố hợp quy thuốc BVTV và bình phun thuốc trừ sâu đeo vai: Đã công bố 381 sản phẩm thuốc BVTV của 38 công ty và 34 sản phẩm bình phun thuốc trừ sâu đeo vai của 02 công ty.

c) Công tác kiểm dịch thực vật (KDTV)

- Điều tra 100 kho nông sản, tổng sản lượng nông sản là 41.953,8 tấn nông sản và sản phẩm thực vật các loại. Kết quả chưa phát hiện dịch hại thuộc diện đối tượng KDTV lưu chứa trong kho nông sản.

- Thực hiện điều tra sinh vật ngoại lai (cây Mai dương, cây Ngũ sắc và cây Hoa tulip châu phi) tại các quận huyện trên địa bàn Thành phố: 540 phiếu.

- Công tác quản lý giống cây trồng mới nhập khẩu:

+ Thực hiện kiểm tra KDTV giống cây trồng mới nhập khẩu năm 2021: 01 đợt với 05 cơ sở, kết quả chưa phát hiện dịch hại thuộc diện đối tượng KDTV nước CHXHCNVN.

+ Thực hiện chăm sóc hậu kiểm giống cây trồng mới nhập khẩu năm 2021: 01 đợt với 12 mẫu giống gồm 2 giống hoa, 3 giống cây lương thực và 7 giống rau các loại. Kết quả chỉ phát hiện sâu, bệnh hại thông thường trên những giống cây trồng mới nhập khẩu, chưa phát hiện đối tượng KDTV nước CHXHCNVN.

d) Công tác thanh tra chuyên ngành

- Thanh tra các quy định về quản lý giống cây trồng, phân bón và thuốc BVTV:

+ Công tác thanh tra: trong năm 2021, đã thanh tra 114 cơ sở (43 cửa hàng, 71 công ty) giảm 12,9% so với cùng kỳ.

+ Công tác lấy mẫu:

* Mẫu thuốc BVTV: đã lấy 32 mẫu, kết quả có 13 mẫu đạt yêu cầu, 19 mẫu chưa có kết quả, giảm 13,5% so với cùng kỳ.

* Mẫu phân bón: đã lấy 43 mẫu, kết quả có 13 mẫu đạt yêu cầu, 02 mẫu không đạt yêu cầu, 28 mẫu chưa có kết quả, giảm 52,7% so với cùng kỳ.

* Mẫu giống cây trồng: 12 mẫu, chưa có kết quả phân tích, giảm 53,8% so với cùng kỳ.

+ Xử lý vi phạm hành chính: Chi cục đã xử phạt vi phạm hành chính 12 vụ vi phạm với tổng số tiền là 178.382.600 đồng, hành vi vi phạm: buôn bán hàng hóa có chất lượng không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng (07 vụ, trong đó có 06 vụ vi phạm trong năm 2020 và 01 vi phạm năm 2021); sản xuất hàng hóa sản phẩm có chất lượng không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (01 vụ); sản xuất phân bón mà không lưu hồ sơ kết quả thử nghiệm theo quy định (02 vụ); không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, buôn bán thuốc BVTV (02 vụ).

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện, giấy phép trong năm 2021:

+ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 94 giấy (cửa hàng: 06, công ty: 88).

+ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV: 92 giấy (cửa hàng: 44, công ty: 48).

+ Cấp giấy phép vận chuyển thuốc BVTV: 171 giấy.

+ Cấp giấy phép quảng cáo, hội thảo: 09 giấy.

e) Công tác đào tạo, tập huấn

- Tập huấn về lĩnh vực BVTV: 01 lớp tập huấn lĩnh vực BVTV cho cán bộ kỹ thuật với 26 người tham dự và 08 lớp tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại trên cây trồng với 221 người tham dự.

- Tập huấn về Kiểm dịch thực vật: 04 lớp tập huấn về cách nhận biết, đặc tính, tác hại của cây cần sa với 113 người tham dự, 03 lớp tập huấn sinh vật ngoại lai với 72 người tham dự.

- Tập huấn về lĩnh vực thanh tra chuyên ngành: 02 lớp văn bản pháp luật mới với 38 người tham dự.

- Tập huấn về công tác trồng trọt: Tổ chức 02 lớp tập huấn về VBPL về phân bón, giống cây trồng với 50 lượt người tham dự.

g) Công tác sự nghiệp kỹ thuật

Thực hiện sửa chữa pano tuyên truyền: 32 bảng pano tại các quận, huyện trên địa bàn Thành phố.

2. Các chương trình, đề án của ngành: Không

3. Công tác cải cách hành chính

- Chi cục đã ban hành và triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch số 48/KH-CCTTBVTV ngày 18 tháng 01 năm 2021 thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.

- Thực hiện niêm yết công khai 16 TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trang thông tin điện tử; 16/16 TTHC đang được tiếp nhận tại bộ phận 1 cửa.

- Về kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/11/2021:

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 555 hồ sơ. Tổng số hồ sơ đã giải quyết 526/555, trong đó: 526 hồ sơ đúng hạn (tỷ lệ 100% đúng hạn), 29 hồ sơ đang giải quyết (còn trong hạn).

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua bưu chính công ích/tổng hồ sơ nộp 1 cửa: 202/555 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (06TTHC): 198/212 hồ sơ.

- Chi cục đã thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo diện Chi cục quản lý (Thông báo số 378/TB-CCTTBVTV ngày 14 tháng 5 năm 2021).

- Công tác cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại bộ phận 1 cửa đạt 100%.

4. Tình hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao

Hiện nay, tổng diện tích canh tác rau củ quả ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là 440,6 ha, trong đó tập trung chủ yếu ở huyện Củ Chi 416 ha, huyện Hóc Môn 5,5 ha, huyện Bình Chánh 8,59 ha, huyện Nhà Bè 4,68 ha. *(Chi tiết đính kèm phụ lục II).*

5. Tình hình xuất khẩu giống cây trồng

Theo báo cáo của các đơn vị sản xuất kinh doanh giống cây trồng tổng lượng giống xuất khẩu trong năm 2021 là 157,44 tấn (gồm hạt giống rau: 109,1 tấn và hạt giống lúa: 44 tấn), giảm 73,8% so với cùng kỳ năm 2020 (601,3 tấn gồm 116,3 tấn hạt giống rau và 255 tấn hạt giống lúa).

(Chi tiết đính kèm phụ lục III).

6. Nhận xét, đánh giá

- Trong năm 2021, qua công tác điều tra tình hình SVH trên cây trồng, công tác dự báo của lực lượng cán bộ kỹ thuật nên Chi cục đã tham mưu biện pháp phòng trị sinh vật hại cây trồng kịp thời, hiệu quả. Qua đó đã hạn chế tối đa thiệt hại do sinh vật hại gây ra.

- Thường xuyên theo dõi tiến độ sản xuất cây trồng từ đó tham mưu cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, biện pháp kỹ thuật thâm canh kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả, hạn chế thấp nhất rủi ro gây thiệt hại cho sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra việc sử dụng thuốc BVTV, việc chấp hành các quy định về ATTP tại vùng sản xuất đã nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng thuốc BVTV đúng theo quy định và góp phần đảm bảo ATTP cho người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.

- Do tình hình dịch Covid 19 diễn biến phức tạp trên địa bàn Thành phố từ tháng 5 năm 2021 đến hết tháng 9 năm 2021, Thành phố đã thực hiện giãn cách xã hội theo tinh thần Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ rồi nâng cấp lên Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường một số biện pháp thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố nên một số chỉ tiêu kế hoạch nghiệp vụ chuyên môn thực hiện chậm và giảm so với kế hoạch đã đề ra như: công tác đào tạo, tập huấn, công tác lấy mẫu kiểm tra an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất và thanh kiểm tra chuyên ngành về vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật).

7. Đề xuất, kiến nghị

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành trồng trọt giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-SNN ngày 03 tháng 2 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành và chương trình công tác năm 2021, có giao nhiệm vụ cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu Sở xây dựng kế hoạch thực

hiện Chiến lược phát triển ngành trồng trọt giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình Ủy ban nhân dân Thành phố trong quý II năm 2021. Tuy nhiên đến nay, chưa nhận được quyết định ban hành Chiến lược Phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Chi cục đề nghị Sở điều chỉnh thời gian xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành trồng trọt nêu trên sang năm 2022 để thực hiện.

- Về quản lý an toàn thực phẩm trên cây rau tại vùng sản xuất: kính đề nghị Sở kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến đối với Bộ Y tế về xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế về quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm. Lý do: hiện nay, có rất nhiều hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật mới được sử dụng để phòng trừ sinh vật hại chưa có quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau. Có một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật có quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên nhóm rau này nhưng không có quy định trên nhóm rau khác nên không có cơ sở xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch (*Chi tiết đính kèm phụ lục IV*).

PHẦN 2

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2022

I. NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. Công tác trồng trọt

a) Mục tiêu

- Nắm được tiến độ sản xuất các loại cây trồng, hướng dẫn cơ cấu giống, sử dụng giống cây trồng; ứng dụng các công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo mùa vụ, thời vụ sản xuất trên địa bàn góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất cây trồng.

- Đánh giá điều kiện sản xuất rau an toàn tại các vùng trồng rau nằm trong quy hoạch trên địa bàn Thành phố.

- Thực hiện có hiệu quả công tác thanh kiểm tra, giám sát chất lượng rau, quả tại vùng sản xuất.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2019 – 2025 theo hướng cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019, Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 về phát triển nhóm sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp Thành phố.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển trồng trọt giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phối hợp triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 năm 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030.

- Theo dõi tiến độ sản xuất cây trồng và tình hình sản xuất kinh doanh giống cây trồng.

- Sử dụng linh hoạt đất lúa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân; hướng dẫn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường và thu nhập cao hơn, trọng tâm sang rau, hoa.

- Tiếp tục điều tra bổ sung cơ sở dữ liệu vùng sản xuất rau, hoa kiểng trên địa bàn Thành phố: cập nhật bổ sung các hộ sản xuất rau, hoa kiểng (300 phiếu gồm rau 150 phiếu, hoa kiểng 150 phiếu).

- Đánh giá điều kiện sản xuất rau an toàn tại các vùng trồng rau làm cơ sở để kiến nghị điều chỉnh vùng sản xuất rau an toàn tập trung phù hợp với điều kiện thực tế. Lấy mẫu kiểm tra điều kiện sản xuất rau an toàn (60 mẫu đất, 60 mẫu nước).

- + Lấy mẫu tầng đất canh tác phân tích những kim loại nặng theo Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với rau quả, chè búp tươi đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế.

- + Lấy mẫu nước tưới rau phân tích những chỉ tiêu về kim loại nặng và chỉ tiêu về vi sinh theo Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất rau tại vùng sản xuất. Đảm bảo các cơ sở sản xuất, nông dân sản xuất rau được kiểm soát an toàn thực phẩm. Lấy mẫu rau củ quả phân tích các chỉ tiêu ATTP (465 mẫu).

- Thiết lập cơ sở dữ liệu quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói xuất khẩu; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo theo quy định về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.

2. Công tác Bảo vệ thực vật

a) Mục tiêu

- Điều tra phát hiện kịp thời, dự tính dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại của những SVH cây trồng; thông báo kịp thời và đề xuất chủ trương, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng chống sinh vật gây hại cây trồng hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do SVH gây ra.

- Đề xuất các biện pháp khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch hại gây ra để khôi phục sản xuất nông nghiệp và ổn định đời sống nhân dân; tư vấn, hướng dẫn người dân trong công tác phòng trị SVH cây trồng.

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các hộ sản xuất rau tại các vùng sản xuất rau trọng điểm, góp phần đảm bảo an toàn về dư lượng thuốc BVTV trên cây rau, vệ sinh môi trường nông thôn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV hóa học gây ra. Phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện

- Tiếp tục triển khai chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao và có tiềm năng xuất khẩu.

- Tổ chức thực hiện điều tra, phát hiện, dự tính dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại của những sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn thành phố; thông báo kịp thời và đề xuất chủ trương, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng chống sinh vật gây hại, không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, gây hại trên diện rộng:

+ Theo dõi bẫy dự báo trên các loại cây trồng (12 bẫy). Cập nhập quản lý dữ liệu về sinh vật hại làm cơ sở dữ liệu cho việc tìm hiểu quy luật phát sinh, phát triển sinh vật hại trên địa bàn thành phố.

+ Điều tra tình hình sản xuất và sinh vật hại cây trồng định kỳ hàng tuần (5.304 phiếu/năm).

+ Điều tra tình hình sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp (12 kỳ).

+ Tư vấn, hướng dẫn người dân trong công tác phòng trị sinh vật hại cây trồng. Thực hiện phân tích mẫu SVH trên cây trồng (20 mẫu).

- Tăng cường kiểm soát việc sử dụng thuốc BVTV tại các vùng sản xuất trọng điểm, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm trên cây rau. Tổ chức kiểm tra và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV định kỳ hàng tháng nhằm nâng cao ý thức của người dân về sử dụng thuốc BVTV theo đúng quy định, phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật góp phần đảm bảo an toàn cho sản xuất nông nghiệp và cho môi trường (270 hộ).

- Điều tra đánh giá ảnh hưởng công tác BVTV trên cây hoa mai để đánh giá năng lực, trình độ hiểu biết của người dân làm cơ sở cho công tác xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn phù hợp với từng địa phương từ đó giúp nâng cao năng lực quản lý sinh vật hại trên cây trồng, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế (01 đợt – 100 phiếu).

- Điều tra bộ thuốc nông dân sử dụng phổ biến trên rau làm cơ sở chỉ định phân tích các hoạt chất thuốc BVTV nhằm giám sát an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất rau (600 phiếu).

- Thực hiện phòng trừ phòng trừ sâu ăn lá (*Antheraea Frithi Moore*) hại cây lâm nghiệp tại Sư đoàn 9 - Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4.

3. Công tác kiểm dịch thực vật (KDTV)

a) Mục tiêu

Thực hiện tốt công tác quản lý SVH kho nông sản; kiểm tra, giám sát sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới nhập khẩu; giám sát vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, các ổ dịch, vùng dịch hại thuộc diện điều chỉnh.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện

- Điều tra KDTV trên các kho lưu chứa nông sản, tổ chức hướng dẫn tự kiểm tra KDTV kho nông sản và tái điều tra KDTV các cơ sở nhập khẩu nông sản số lượng lớn, các đơn vị có nguy cơ tiềm ẩn đối tượng KDTV (100 kho).

- Kiểm tra, điều tra, giám sát sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới nhập khẩu (01 đợt).

- Điều tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất, nuôi trồng và các vùng thường có sự xuất hiện của sinh vật ngoại lai xâm hại và sinh vật gây hại lạ (540 phiếu).

4. Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành

a) Mục tiêu

- Nhằm phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót trong cơ chế chính sách đề kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khắc phục những sơ hở, bất cập trong công tác quản lý về giống cây trồng nông nghiệp, phân bón, thuốc BVTV góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón và thuốc BVTV. Phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp. Tập trung công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về điều kiện sản xuất và kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với 230 cơ sở, lấy 200 mẫu (25 mẫu giống cây trồng, 95 mẫu phân bón, 80 mẫu thuốc BVTV). Phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

5. Công tác đào tạo, tập huấn, sự nghiệp kỹ thuật

a) Mục tiêu

Nâng cao trình độ kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, các văn bản quy phạm pháp luật của ngành cho công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực trồng trọt, BVTV, kiểm dịch thực vật...

b) Nội dung, giải pháp thực hiện

- Đào tạo người lấy mẫu rau, quả, phân bón, giống cây trồng ... phục vụ công tác chuyên môn: 13 lượt công chức.

- Tổ chức tập huấn VBPL, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho công chức, viên chức, doanh nghiệp, cơ sở đóng gói... (7 lớp).

- Tăng cường công tác tổ chức các hội nghị tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân về quản lý sản xuất và phòng trừ dịch hại cây trồng, tập huấn sinh vật ngoại lai, cây có chất gây nghiện....(58 lớp). Tổ chức lớp tập huấn quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực của Thành phố gồm có cây rau và hoa kiểng (2 lớp).

- Xây dựng, sửa chữa bảng pano tuyên truyền nhằm hướng dẫn người dân về quản lý sản xuất; an toàn thực phẩm; sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả theo đúng quy định và bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp (30 bảng); Thực hiện sửa chữa, củng cố bể ươm ươm phục vụ cho công tác dự báo kịp thời và hiệu quả (12 bể).

6. Chương trình liên tịch liên kết

a) Mục tiêu

- Trao đổi kinh nghiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và BVTV, tăng cường sự hợp tác liên kết giữa các tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động góp phần nâng cao nhận thức và ý thức của nông dân sản xuất nông dân trong việc chấp hành quy định pháp luật về bảo hộ lao động, phòng chống tai nạn lao động.

b) Nội dung, giải pháp thực hiện

- Chương trình hợp tác với tỉnh Bến Tre: Tiếp tục thực hiện chương trình hợp tác với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Bến Tre theo biên bản thỏa thuận ngày 02 tháng 4 năm 2020 về Hợp tác trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn Sở Nông nghiệp và PTNT TPHCM, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bến Tre và Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2021 – 2022: Tổ chức 01 đợt tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật tại tỉnh Bến Tre. Trong đó, tập trung một số nội dung chính như:

+ Trao đổi, chia sẻ thông tin về tình hình sinh vật hại cây trồng và các giải pháp chỉ đạo, quản lý dịch bệnh cây trồng đặc biệt là khi có các đối tượng dịch hại mới phát sinh (sâu đầu đen hại dưa, sâu ăn lá trên lâm nghiệp,...).

+ Chia sẻ kinh nghiệm trong việc ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, phương pháp phòng trị sâu bệnh hại bằng biện pháp sinh học.

- Tổ chức hoạt động hưởng ứng tuần lễ quốc gia về An toàn – Vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ (01 đợt): tổ chức hội nghị tập huấn kỹ thuật an toàn lao động trong sử dụng, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), hướng dẫn phòng chống nhiễm độc thuốc BVTV cho nông dân.

7. Chương trình chuyển đổi số

Nghiên cứu, tích hợp bản đồ số hóa vùng sản xuất rau an toàn, bản đồ số

hóa vùng sản xuất hoa – cây kiểng trên địa bàn thành phố vào bản đồ chung của Thành phố (Kho Dữ liệu dùng chung).

II. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIỐNG CÂY, CON VÀ NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1. Mục tiêu

- Tăng cường và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý giống cây trồng theo hướng hiện đại.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

2. Nội dung, giải pháp thực hiện

- Điều tra các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống trên địa bàn thành phố để xây dựng cơ sở dữ liệu về giống cây trồng: 01 đợt.
- Điều tra tình hình nuôi cấy mô thực vật trên địa bàn Thành phố: 01 đợt.
- Điều tra tình hình ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt: 01 đợt.
- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao: Tham quan học tập kinh nghiệm quản lý và ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong trồng trọt tại một số địa phương có thể mạnh ở trong nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật: 01 đợt.

III. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Đổi mới trong tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC). Rà soát, kiến nghị các cấp có thẩm quyền đơn giản hóa TTHC của ngành.
2. Tiếp tục tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện TTHC trên cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và dịch vụ bưu chính công ích (bưu điện) đảm bảo hiệu quả, gắn với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.
3. Tiếp tục thực hiện 16 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật và quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.
4. Triển khai kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy Chi cục phù hợp với đặc điểm của Thành phố và quy định mới, tránh trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ trong đơn vị.
5. Công khai, minh bạch việc sử dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá, phân loại CCVC theo quy định.
6. Tiếp tục kiểm tra đột xuất và định kỳ việc thực hiện quy tắc ứng xử, văn hóa công sở và thực thi công vụ tại các phòng, trạm trực thuộc.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí khái toán 16.891 triệu đồng, gồm:

+ Nguồn vốn sự nghiệp quản lý thường xuyên và không thường xuyên: 13.978 triệu đồng, trong đó:

Kinh phí thường xuyên: 10.675 triệu đồng.

Kinh phí không thường xuyên: 3.303 triệu đồng.

+ Nguồn vốn sự nghiệp nông lâm thủy lợi: 2.913 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác chỉ đạo điều hành năm 2021 và chương trình công tác năm 2022 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật./.

Nơi nhận:

- BGĐ Sở (Ô.Trọng để báo cáo (gửi mail));
- Văn phòng Sở;
- P.KHTC Sở;
- Ban lãnh đạo Chi cục;
- Các Phòng, Trạm trực thuộc (gửi mail);
- Lưu: VT, HCTH.VTT(6).



CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Nghiêm



Phụ lục I
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NĂM 2021

Kiểm tra và báo cáo số 100/LC-CCTTBVTV ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 11/2020	Chính thức tháng 12/2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện	Thực hiện		Kế hoạch năm 2022	So sánh với năm trước		So sánh với Kế hoạch năm 2021 (%)
							Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 11/2021	Ước tháng 12/2021	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 12/2021		So sánh tháng 12/2021 với tháng 12/2020 (%)	So sánh 12 tháng năm 2021 với 12 tháng năm 2020 (%)	
A	NÔNG NGHIỆP												
I	TRỒNG TRỌT												
1	Cây hằng năm												
	Cây lương thực có hạt												
1.1.1	Lúa												
	+ Diện tích canh tác	Ha			7.051	6.500			6997,6	6.000			
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	16.652		16.652	15.986	15.724		15.724	15.000		94,4	98,4
	+ Diện tích đã cho thu hoạch	Ha	14.427		16.652	15.986	12.435	3.289	15.724	15.000		94,4	98,4
	+ Năng suất ước trên diện tích thu hoạch	Tấn/ha	4,9		5,1	4,75	5,09	5,00	5,07	5,00		99,4	106,6
	+ Sản lượng ước tính trên diện tích đã thu hoạch	Tấn	70.240		84.872	76.000	63.239	16.443	79.684	75.000		93,9	104,8
a	Kết quả sản xuất lúa chia theo vụ:												
	- Lúa Đông xuân												
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.951	0	4.951	4.886	4.886		4.886	4.500		98,7	100,0
	+ Diện tích đã cho thu hoạch	"	4.951	0	4.951	4.886	4.886		4.886	4.500		98,7	100,0
	+ Năng suất ước trên diện tích thu hoạch	Tấn/ha	5,0		5,75	5,0	5,0		5,0	5,0		87,0	100,0
	+ Sản lượng ước tính trên diện tích đã thu hoạch	Tấn	24.755	3.713	28.468	24.430	24.430		24.430	22.500		85,8	100,0
	- Lúa Hè thu												
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	5.598	1.965	5.598	5.400	5319		5319	5.000	0,0	95,0	98,5
	+ Diện tích đã cho thu hoạch	"	5.598	5.598	5.598	5.400	5319		5319	5.000		95,0	
	+ Năng suất ước trên diện tích thu hoạch	Tấn/ha	4,8	5	4,81	4,8	5,2		5,2	5,0		108,1	
	+ Sản lượng ước tính trên diện tích đã thu hoạch	Tấn	26.870	26.926	26.926	25.920	27.659		27.661	25.000		102,7	
	- Lúa Mùa												
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	6.103	6.103	6.103	5.700	5519		5.519	5.500		90,4	
	+ Diện tích đã cho thu hoạch	"	3.878	6.103	6.103	5.700	2230	3.289	5.519	5.500		90,4	
	+ Năng suất ước trên diện tích thu hoạch	Tấn/ha	4,8	4,83	4,83	4,5	5	5	5	5,0		103,5	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 11/2020	Chính thức tháng 12/2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện	Thực hiện		Kế hoạch năm 2022	So sánh với năm trước		So sánh với Kế hoạch năm 2021 (%)
							Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 11/2021	Ước tháng 12/2021	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 12/2021		So sánh tháng 12/2021 với tháng 12/2020 (%)	So sánh 12 tháng năm 2021 với 12 tháng năm 2020 (%)	
	+ Sản lượng ước tính trên diện tích đã thu hoạch	Tấn	18.614	29.477	29.477	25.650	11.150	16.443	27.593	27.500		93,6	



Phụ lục II

SẢN XUẤT RAU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH(Kèm theo Báo cáo số **1066**/BC-CCTTBVTV ngày **03** tháng 12 năm 2021 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Lĩnh vực	Diện tích canh tác (ha)
I. Huyện Củ Chi				416
1	Công ty TNHH Nông Sinh Khang Nguyên	Đường Bà Thiên, ấp Xóm Bung, xã Nhuận Đức	Sản xuất dưa lưới	6,01
2	Cty TNHH Nông Nghiệp Vineco	Số 38 đường Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn Cội	Sản xuất rau ăn lá	110
			Sản xuất rau củ quả	195
			Sản xuất dưa lưới	5
3	Doanh nghiệp - Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (14 đơn vị)	Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	Sản xuất rau ăn lá	8,7
			Sản xuất rau củ quả	18,3
			Sản xuất dưa lưới	5,16
			Thủy canh	32,27
4	Công ty TNHH XNK Nông nghiệp Kiến Tường	Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	Sản xuất rau củ quả	4,83
5	Công ty TNHH phát triển và đầu tư Nhiệt Đới	Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	Sản xuất rau củ quả	3,27
6	Công ty Cổ phần SMART ECO FARM	Khu tăng gia, Trung đoàn 2, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Sản xuất rau củ quả	2,81
7	Công ty cổ phần Nông Nghiệp Kỹ Thuật Việt	Số 15 ấp 11 đường Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi	Sản xuất rau củ quả	2,5
			Thủy canh	0,05
8	Công ty TNHH TM Vương Tròn	Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	Sản xuất dưa lưới	0,55
9	Nhà lưới trồng rau của con ông Bảy Thuận	Xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Sản xuất rau củ quả	0,17
10	Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Hưng Long Farm	Ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Sản xuất rau củ quả	0,3
11	Ngô Thanh Vinh	đường Bùi Thị Diệt, Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	Sản xuất rau củ quả	0,4

STT	Tên đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Lĩnh vực	Diện tích canh tác (ha)
12	Huỳnh Đoàn Thông	đường Bùi Thị Diệt, Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	Sản xuất rau củ quả	1
13	Nguyễn Văn Hiền	xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	sản xuất rau củ quả	3,39
14	Nguyễn Thị Hiền	xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	sản xuất rau củ quả	0,04
15	Nguyễn Tuấn Anh	Tổ 12A, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Sản xuất rau ăn lá	0,1
16	Nguyễn Văn Cường	Nhuận Đức	sản xuất rau củ quả	1,3
17	Chị Ngọc		Sản xuất rau ăn lá	0,28
18	Công ty TNHH rau củ quả Lộc Tài		sản xuất rau củ quả	0,1
19	Công ty cây trồng Việt	Phước Vĩnh An	sản xuất rau củ quả	2
20	HTX Nhuận Đức	Nhuận Đức	Sản xuất rau ăn lá	0,16
21	Vũ Quang Khánh	xã Tân Phú Trung	Sản xuất rau ăn lá	0,4
22	Anh Hậu	xã Trung Lập Thượng	Sản xuất rau ăn lá	0,04
23	Huỳnh Công Mạnh	đường Trần Văn Châm, Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	Sản xuất dưa lưới	0,4
24	Trần Đơn (Bộ quốc phòng)	Tỉnh lộ 15, Ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng	Sản xuất dưa lưới	0,6
25	Nguyễn Tấn Trung (Công ty ba cây cau)	Ấp cây trôm, xã Phước Hiệp	Sản xuất rau ăn lá	2
26	Huỳnh Thị Lành	xã Trung Lập Thượng	Sản xuất dưa lưới	0,5
27	Nguyễn Phú Cường	Ấp Ba Sòng, xã An Nhơn Tây	sản xuất rau củ quả	0,5
28	Tô Văn Thành	Tổ 9, ấp Bốn Phú, xã Trung An	Sản xuất rau ăn lá	0,05
29	HTX Nông nghiệp CNC Hoa Mặt Trời	đường Tỉnh lộ 2, ấp Vân hàn, xã Trung lập Thượng	sản xuất rau củ quả	0,5
30	HTX Rau Sạch Củ Chi	151/23A Nguyễn Thị Nê, ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông	Thủy canh	0,2
31	Công ty TNHH TM XD Lê Hoàng Vũ	xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	Sản xuất dưa lưới	0,3
32	Công ty TNHH sản xuất RAT Tân Trung	2C ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	Sản xuất rau ăn lá	2
			sản xuất rau củ quả	0,71
33	Công ty cổ phần Nông nghiệp Bình Nguyên	34/9 đường số 411, ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Nấm bào ngư	0,3
34	Khác (15 đơn vị)		sản xuất rau củ quả	3,39
			Sản xuất rau ăn lá	0,25
			Sản xuất dưa lưới	0,17

STT	Tên đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Lĩnh vực	Diện tích canh tác (ha)
II. Huyện Hóc Môn				5,5
1	Công ty TNHH TM XD Lê Hoàng Vũ	Tân Hiệp, Hóc Môn	Sản xuất dưa lưới	0,7
2	Nguyễn Thị Diệp (Công ty TNHH Xây dựng SG12)	Ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn	Sản xuất rau ăn lá	0,2
3	Nguyễn Ánh Quốc	Tổ 1, Ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	Sản xuất rau ăn lá	0,1
4	Lê Văn Dề (Công ty VH Farm)	ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	Sản xuất rau ăn lá	0,3
5	Nguyễn Văn Dũng	ấp 1, Xuân Thới Thượng	Sản xuất rau ăn lá	0,4
6	SG 12 farm	Đông Thạnh, Hóc Môn	Sản xuất rau ăn lá	0,2
7	Công ty Cổ phần Nông nghiệp kỹ thuật cao Nông Phát	215C, ấp 7, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn	Sản xuất dưa lưới	3,6
III. Quận 12				2,02
1	Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố Hồ Chí Minh	Km 1900, quốc lộ 1A, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12	Sản xuất rau ăn lá	0,13
			Sản xuất dưa lưới	0,7
2	Nguyễn Ngọc Thành (HTX Xuân Lộc)	P.Thạnh Lộc, Q12	Sản xuất rau ăn lá	0,39
3	Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Hưng Long Farm	2374 khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12	Dưa lưới	0,7
III. Huyện Bình Chánh				8,59
1	Hợp tác xã NN SX TM & DV Phước An	Ấp 4, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	1,18
2	Nhà lưới của Bà Trần Thị Nơi	Ấp 1, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	0,47
3	Công ty TNHH TM XD An phát (Mekong farm)	Ấp 6 - Xã Tân Nhựt- H.Bình Chánh- TP.HCM	Sản xuất rau ăn lá	0,5
			Sản xuất dưa lưới	0,5
4	Trương Thị Thùy Hoa	ấp 4, xã Qui Đức, Huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	0,17
5	Hồ Thanh Huy	ấp 6, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	0,1
6	Nguyễn Thị Mỹ	xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	0,2
7	Trần Quang Hai	Tư xây, tổ 15 ấp 4, xã Tân QUÝ Tây, huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	0,14
8	Nguyễn Văn Sang	Tư xây, tổ 15 ấp 4, xã Tân QUÝ Tây, huyện Bình Chánh	Sản xuất rau ăn lá	2,52

STT	Tên đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Lĩnh vực	Diện tích canh tác (ha)
9	Khác (3 đơn vị)		Sản xuất rau ăn lá	0,73
			Sản xuất rau củ quả	0,9
10	HTX NN Thành Nam	Ấp 4, xã Vĩnh Lộc A	Sản xuất rau ăn quả	0,8
11	Trần Văn Nghĩa	Ấp 2, xã Tân Nhựt	Sản xuất rau ăn lá	0,18
12	HTX Đại Thành Công	xã Qui Đức, Huyện Bình Chánh	Thủy canh	0,2
III. Quận 9				3,2
1	Công ty TNHH nông nghiệp Tuấn Ngọc	Số 109 Đường 10, Khu phố 4, Phước Bình, Quận 9	Thủy canh	1,2
2	Công ty TNHH MTV PTNN kỹ thuật cao Trang trại Việt	655 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long B, Quận 9	Sản xuất dưa lưới	0,3
			Rau ăn lá	0,3
3	Trại dưa lưới Nguyễn Văn Đối	Nguyễn Duy Trinh, P. Trường Thạnh, Quận 9	Sản xuất dưa lưới	0,8
4	Nguyễn Hoàng Dũng	Khu Văn Hóa Đền Hùng, Quận 9	Sản xuất dưa lưới	0,26
5	Trần Hữu Lộc	Khu dân cư Đông Tăng Long, P Trường Thạnh	Sản xuất dưa lưới	0,025
6	Trần Văn Vượng	Khu phố Ông Nhiêu, P. Long Trường	Sản xuất dưa lưới	0,3
IV. Huyện Nhà Bè				4,68
1	Công ty TNHH TM Nhất Thống	40 ấp 4, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	2,65
			Rau củ quả	1,1
2	Trần Văn Chính	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,004
3	Lâm Thanh Hùng	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Thủy canh	0,03
4	Nguyễn Vĩnh Quang	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,03
5	Nguyễn Hữu Bình	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,065
6	Đặng Văn Hồng	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,05
7	Dương Minh Trung	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,05
8	Trần Văn Tấn	Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,27
9	Nguyễn Minh Hải	Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,015
10	BCH Quân sự Thị trấn Nhà bè	Khu phố 6, Thị trấn Nhà bè, huyện Nhà Bè	Rau ăn lá	0,02
11	Hợp Tác Xã Thuận Yến	Ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ	Sản xuất dưa lưới	0,15
12	Phan Trung Nhân	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	Nấm bào ngư	0,04
13	Trại Nấm Bào Ngư Linh Chi Nghĩa Nhân	Xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè	Nấm bào ngư, nấm linh chi	0,2

STT	Tên đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Lĩnh vực	Diện tích canh tác (ha)
14	Sơn Sa Ranh	Xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè	Nấm linh chi	0,01
V. Quận 2				0,5
1	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh Thông Minh	số 37 đường Dương Văn An, phường An Phú, Quận 2 (D/C SX: Lô E7 đường K1, KCN cát lái, Quận 2)	Thủy canh	0,5
VI. Quận Bình Thạnh				0,05
1	A. Hậu	Phường 28, Quận Bình Thạnh	Rau ăn lá	0,05
VII. Quận Bình Tân				0,1
1	Rau sạch Thủy canh Happy farm	Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân	Rau ăn lá	0,1
Tổng cộng				440,6

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT



Phụ lục III

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG NĂM 2021

Kèm Báo cáo số **1006**/BC-CCTTBVTV ngày **03** tháng 12 năm 2021 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Đơn vị tính: tấn

STT	TÊN CÔNG TY	CHUNG LOẠI															
		LÚA		BẮP		RAU ĂN LÁ		RAU ĂN QUẢ		ĐẬU		HOA		DƯA LƯỚI		DƯA HẦU	
		OP	F1	OP	F1	OP	F1	OP	F1	OP	F1	OP	F1	OP	F1	OP	F1
1	Công ty Tân Lộc Phát							25,1	2,7								
2	Công ty TNHH Trang Nông					3,02			0,50								
3	Công ty TNHH SX TM Xanh					17,8	0,52	17,9	14,6								
4	Công ty TNHH Chánh Nông							23,4									
5	Công ty CP giống Cây trồng Miền Nam		48														
6	Công ty TNHH Giống cây trồng Phú Nông					0,3			3,6								
	Tổng: 157,44 tấn	0	48	0	0	21,12	0,52	66,4	21,4								

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT



Phụ lục IV

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

(Bản hành) kèm theo báo cáo số **1006**/BC-CCTTBVTV ngày **03** tháng 12 năm 2021
của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu 2021	Thực hiện năm 2021		Ghi chú
				Trong tháng 12	Lũy kế từ đầu năm/vụ	
1	Công tác trồng trọt					
1.1	Điều tra cập nhật bản đồ số hóa vùng trồng rau	KH	1		1	
1.2	Điều tra cập nhật bản đồ số hóa hoa kiểng	KH	1		1	
1.3	* Thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đảm bảo ATTP trên rau củ quả	mẫu	465	76	175	
	** Phân tích định lượng dư lượng thuốc BVTV	mẫu		76	175	10 mẫu CKQ
	** Kết quả phân tích phát hiện dư lượng thuốc BVTV vượt mức giới hạn cho phép	mẫu				
1.4	Hợp quy giống cây trồng	SP		11	20	
1.5	Hợp quy phân bón	SP		366	896	
1.6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	công ty			9	
2	Công tác Bảo vệ thực vật					
2.1	Tiến độ sản xuất					
	- Diện tích gieo trồng cây rau	ha		2.080	21.150	
	- Diện tích hoa, cây kiểng	ha			2.129	
	- Diện tích gieo trồng cây lúa					
	Vụ Đông Xuân 2020-2021	ha			4.886	
	Vụ Hè Thu	ha			5.319,4	
	Vụ Mùa	ha			5.518,6	
	Vụ Đông Xuân 2021-2022	ha			416	
2.2	Tình hình sinh vật hại					
	- Diện tích nhiễm SVH trên cây rau	ha		488,6	6.351,1	
	- Diện tích nhiễm SVH trên hoa, cây kiểng	ha		48,8	521	
	- Diện tích nhiễm SVH trên cây lúa	ha		682,6	6.532,3	
2.3	Theo dõi bẫy dự báo trên các loại cây trồng	bẫy	12		12	

2.4	Điều tra đánh giá ảnh hưởng công tác BVTV hàng năm	đợt	1			
2.5	Điều tra khảo sát định kỳ sâu bệnh hại trên cây lâm nghiệp	tháng	12	1	12	
2.6	Điều tra tình hình sinh vật gây hại cây trồng	phiếu	5.016	906	5.010	
2.7	Điều tra bộ thuốc nông dân sử dụng	đợt	1		1	
2.8	Phân tích mẫu sinh vật hại	mẫu	20			
2.9	Kiểm tra sử dụng thuốc ngoài đồng ruộng	hộ	270	121	270	
2.10	Hợp quy thuốc BVTV, bình phun	SP		37	415	
3	Công tác kiểm dịch thực vật					
3.1	Điều tra và tái điều tra kho NS	cơ sở	100		100	
3.2	Kiểm tra giống cây trồng sau nhập khẩu	đợt	1		1	
3.3	Điều tra sinh vật ngoại lai	phiếu	540		540	
3.4	Chăm sóc cây phục vụ công tác hậu kiểm giống sau nhập khẩu và giám sát sinh vật hại	đợt	2		2	
4	Công tác thanh tra, kiểm tra					
4.1	Thanh tra cơ sở sản xuất buôn bán thuốc BVTV, phân bón hữu cơ, phân bón khác và giống cây trồng	cơ sở			114	
4.2	Phân tích mẫu thuốc BVTV kiểm tra chất lượng thuốc	mẫu	45	19	32	
4.3	Kiểm tra chất lượng mẫu phân bón	mẫu	70	28	43	
4.4	Kiểm tra chất lượng mẫu giống cây trồng	mẫu	35	12	12	
4.5	Cấp giấy chứng nhận ĐDK kinh doanh thuốc BVTV	cơ sở		16	92	
	+ Cửa hàng			6	44	
	+ Công ty			10	48	
4.6	Cấp giấy chứng nhận ĐDK kinh doanh phân bón	cơ sở		27	94	
	+ Cửa hàng			3	6	
	+ Công ty			24	88	
4.7	Cấp giấy chứng nhận ĐDK sản xuất phân bón	cơ sở				
	+ Cửa hàng					
	+ Công ty					
4.8	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc BVTV	giấy		43	171	
4.9	Cấp giấy phép quảng cáo, hội thảo	giấy			9	

5	Đào tạo, tập huấn					
5.1	Tập huấn, đào tạo về BVTV					
	- Tập huấn lĩnh vực BVTV cho cán bộ kỹ thuật	lớp	01	1	01	
	- Hội nghị tập huấn sâu bệnh trên hoa lan, cây kiềng, cây trồng khác cho nông dân	HN	40		08	
5.2	Tập huấn, đào tạo về KDTV					
	- Hội nghị tập huấn cây có chất gây nghiện	HN	15		04	
	- Hội nghị tập huấn sinh vật ngoại lai	HN	10		03	
	- Tập huấn về VBPL mới và nghiệp vụ chuyên môn cho doanh nghiệp	lớp	02			
	- Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho Kiểm dịch viên	lớp	01			
5.3	Tập huấn, đào tạo về TTCN					
	- Tập huấn VBPL lĩnh vực thanh tra cho CCVC, NLĐ Chi cục	lớp	02		02	
	- Tập huấn cán bộ quản lý ở địa phương	lớp	01			
	- Đào tạo người lấy mẫu: phân bón, giống cây trồng...	người	11			
5.4	Tập huấn, đào tạo về công tác Trồng trọt					
	- Tập huấn VBPL về phân bón, giống cây trồng	lớp	02		02	
	- Đào tạo người lấy mẫu rau, quả...	người	02			
	-Hội nghị tập huấn phổ biến văn bản pháp luật cho nông dân về lĩnh vực an toàn thực phẩm	HN	04			
6	Công tác sự nghiệp kỹ thuật					
6.1	Xây dựng, sửa chữa pano tuyên truyền	bảng	28		28	
6.2	Củng cố, sửa chữa và lắp đặt bẫy đèn					
7	Chương trình liên tịch					
7.1	Mít tinh và hưởng ứng tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ	HN	13			

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

